**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN THẠNH PHÚ**
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **117** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2019
V/v "*Ly hôn*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà***: Bà Hồ Thị Triết
***- Các hội thẩm nhân dân*** : 1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:*** Ông NguyễnVăn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị M, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Số 134/3, ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Trần Minh H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số 134/3, ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:***

Chị và anh Trần Minh H cưới nhau vào năm 2007, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/11/2011, trong thời gian sống chung có 01 con chung tên Trần Gia V, sinh ngày 01/9/2008 hiện nay đang sống chung với chị. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn là vì trong thời gian sống chung anh H đánh đập chị và nhiều lần cho ông H cơ hội để sửa đổi nhưng không thay đổi nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại phiên tòa chị yêu cầu về hôn nhân được ly hôn với anh Trần Minh H. Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia V, sinh ngày 01/9/2008 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải

quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Minh H vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng anh H đã trình bày:***

Anh thống nhất với chị Trần Thị M về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung, nguyên nhân mất hạnh phúc và quá trình ly thân nhưng anh muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị M. Nếu Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị M thì con chung Trần Gia V, sinh ngày 01/9/2008 anh đồng ý để chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng:*** Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng nhưng đối với bị đơn chưa nghiêm túc thực hiện hiện đầy đủ quyền của mình, tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trần Minh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Về con chung: chị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia V, sinh ngày 01/9/2008 (theo nguyện vọng của cháu V) và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không yêu cầu. Về tài sản chung: không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị M yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh H, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Minh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Chị Trần Thị M và anh Trần Minh H cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT vào năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để

sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H thì được địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Xác định chị M và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là có cơ sở phù hợp tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trần Minh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Xét về con chung: Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Gia V, sinh ngày 01/9/2008 (theo nguyện vọng của cháu Gia V) hiện đang sống chung với chị M và anh H cũng đồng ý để chị M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia V nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: hai bên trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Chị Trần Thị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M. Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trần Minh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về con chung: Chị Trần Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Gia V, sinh ngày 01/9/2008. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm

nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0021494 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí chị M đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã AT;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

**Hồ Thị Triết**